

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 23 /01/2025
(V/v: Ly hôn và con chung)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Minh Hải.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Huy Diệu**, ông **Triệu Ngọc Vạn.**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Linh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa :
Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp kiện xin ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2002.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Xóm D, Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Quang C, sinh năm 2000.(vắng mặt không lý do)

ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1971.(vắng Mặt)

Địa chỉ: Xóm D, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương(là bố đẻ chị H).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị H trình bày chị và anh Phạm Quang C kết hôn là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/08/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C chơi bời không tu chí làm ăn dẫn đến vay nợ của nhiều người, mặc dù chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng. Tháng 08/2023, do mâu thuẫn anh C đã đuổi chị khỏi nhà và chị đã về sống tại gia đình bố mẹ đẻ từ đó đến nay. Chị H xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, chị không còn tình yêu thương với anh C nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định có một con chung là Phạm Minh Q sinh ngày 28/7/2023 hiện đang ở cùng chị. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, nguyện vọng chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm tại công ty C3 ở quán phe, xã H, huyện G, thu nhập của chị là 8triệu/ tháng, chưa tính làm thêm giờ, ngoài ra còn sự hỗ trợ của bố mẹ chị về chỗ ăn ở và trông nom chăm sóc con nên chị hoàn toàn đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ : Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn: Anh C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

*Lời khai của của ông C1 bỏ để chị H trình bày: Chị H và anh C kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Do gia đình ông, bà không đồng ý nên chưa tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh C do anh C chơi bời lêu lổng, không tu chí làm ăn, vay nợ nhiều người nên tháng 08/2023, chị H đã về sống cùng với gia đình ông và ly thân anh C. Thời gian hai bên sống ly thân anh C không gặp gỡ tìm về hay quan tâm đến mẹ con chị H. Nay chị H xin ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H để hai bên ổn định cuộc sống.

Xác minh tại khu dân cư, các đoàn thể, chính quyền UBND xã N cho biết: Quá trình sống chung chị H và anh C phát sinh mâu thuẫn nên chị H đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn Đ, huyện N ở. Chị H gửi đơn ly hôn trực tiếp xuống Tòa án không thông qua thôn và UBND xã nên không tổ chức hòa giải. Đối với anh C thuộc đối

tượng ăn chơi lêu lổng, chơi bời, không tu chí làm ăn, là đối tượng liên quan đến ma túy thuộc diện quản lý của Công an, anh C hay đi lang thang, lúc ở nhà, lúc đi đâu năm bữa nửa tháng lại về. Nay chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

Tại phiên toà: Chị H có đơn xin xử vắng mặt; Quan điểm trong lời khai và đơn đề nghị xử vắng mặt chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Quang C và xin nuôi con, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng theo các Điều 70,71 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định Điều 70, 72 BLTTDS, đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 77,78 BLTTDS. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228, 232, 262 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015: Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí.

Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Quang C.

Về con chung: Giao con Phạm Minh Q sinh ngày 28/7/2023 cho Chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 án phí sơ theo quy định của pháp luật, được trừ đi 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1]. **Về tố tụng:** Anh C đã được Tòa án triệu tập đến lấy lời khai và đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, anh C đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; chị H có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. **Về nội dung:** Hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Quang C được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/08/2023, tại thời điểm kết hôn Chị H và anh C hoàn toàn tự nguyện, điều đó thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy:* Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu. Nguyên nhân là do anh C chơi bời không tu chí làm ăn dẫn đến vay nợ của nhiều người, mặc dù chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng. Tháng 08/2023, do mâu thuẫn anh C đã đuổi chị khỏi nhà và chị đã về sống tại gia đình bố mẹ đẻ từ đó đến nay. Quan điểm đề nghị của chị H xin ly hôn với anh C vì xét tình cảm vợ chồng không còn gì, không thể tiếp tục chung sống. Qua lời khai của bố chị H cùng các tài liệu xác minh tại khu dân cư, đoàn thể, chính quyền địa phương có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã thực sự trầm trọng bởi; anh, chị đã sống ly thân từ 08/2023 đến nay, từ khi sống ly thân anh C không quan tâm đến chị cũng như tìm biện pháp để hai bên về đoàn tụ, Tòa án báo anh xuống phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh vắng mặt, điều đó chứng minh đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không còn tình yêu thương nhau. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. **Về con chung:** Chị H xác định có một con chung là Phạm Minh Q sinh ngày 28/7/2023 hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, nguyện vọng chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu đề nghị của chị H, HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng thỏa thuận về trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Quan điểm chi Huyền khi ly hôn chị xin

nuôi cháu Q, anh C được Tòa án nhiều lần triệu tập làm việc nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì về con chung, hơn nữa anh C chơi bời lêu lổng, hay đi lang thang, thỉnh thoảng lại đi khỏi địa phương năm bữa nửa tháng lại về nên không thể có điều kiện chăm sóc con chung, về nguyên tắc con chung hiện dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ. Chị H cung cấp, hiện chị làm tại công ty C3 ở quán phe, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương thu nhập của chị là 8 triệu/ tháng, chưa tính làm thêm giờ, ngoài ra còn sự hỗ trợ của bố mẹ chị về chỗ ăn ở và trông nom chăm sóc con nên chị hoàn toàn đủ điều kiện nuôi con, chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị H xin nuôi con là chính đáng, phù hợp với các quy định của luật hôn nhân và gia đình nên cần giao con Phạm Minh Q sinh ngày 28/07/2023 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

[5].**Về tài sản chung:** Chị H xác định không có tài sản chung, không đề nghị gì nên không phải giải quyết.

[6].**Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Điều 146, Điều 147 BLTTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền

Xử: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Quang C

Về Con C2: Giao con Phạm Minh Q, sinh ngày 28/07/2023 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Anh C có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/24/0001442 ngày 19/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Nghĩa An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Hải